

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2020/DS-ST.
Ngày: 28/9/2020.
V/v: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài
sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - 1. Bà Võ Thị Điệp;
 - 2. Bà Hồ Thị Mai Hương;
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 566/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952;
Địa chỉ: ấp Bình N, xã Nhị M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- 2. Bị đơn: 2.1. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1970;
2.2. Anh Phan Văn K, sinh năm 1972;
Cùng địa chỉ: ấp 7, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(Ông T có mặt, anh K và chị N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn trình bày:

Ông T là cha của anh K, chị N. Ông T có cho anh K, chị N vay 10 cây 07 chỉ vàng 24kr và số tiền 270.000.000 đồng. Khi vay, có làm biên nhận ghi ngày 25/5/2017. Mục đích anh K, chị N vay tiền vàng là để mua đất cất nhà. Trong biên nhận chị N ghi tên là Nguyễn Thị N nhưng tên thật là Nguyễn Thị Bích N. Nội dung biên nhận do chị N viết.

Sau khi vay, anh K, chị N hứa trả dần cho ông T mỗi mùa vụ số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay, anh K, chị N không trả cho ông T khoản tiền nào.

Nay, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án buộc anh Phan Văn K và chị Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số vàng là 10 cây 07 chỉ vàng 24kr và số tiền 270.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông T thống nhất vàng 24kr tại thời điểm xét xử có giá 5.100.000 đồng/01 chỉ và yêu cầu anh K, chị N trả tiền. Tổng cộng, ông T yêu cầu anh K, chị N trả $107 \text{ chỉ vàng } 24\text{kr} \times 5.100.000 \text{ đồng} = 545.700.000 \text{ đồng} + 270.000.000 \text{ đồng} = 815.700.000 \text{ đồng}$, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là anh K, chị N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N, anh K có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay gốc 815.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do các bị đơn có địa chỉ: Ấp 7, xã Ba S, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh K, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt anh K, chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu chị N, anh K có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay gốc 815.700.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Ông T trình bày khi cho chị N, anh K vay 270.000.000 đồng và 107 chỉ vàng 24kr có làm biên nhận và ông T đã cung cấp biên nhận bản chính có chữ ký của chị N, anh K cho Tòa án. Chị N, anh K đã nhận được các văn bản của Tòa án và biết được nội dung khởi kiện của ông T nhưng không có ý kiến và không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, đủ căn cứ để kết luận ngày 25/5/2017, ông T cho chị N, anh K vay 270.000.000 đồng và 107 chỉ vàng 24kr, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay 01 tháng là có thật. Do đó, buộc chị N, anh K có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 815.700.000 đồng theo biên nhận ngày 25/5/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Chị N, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 36.000.000 đồng + (15.700.000 đồng x 3%) = 36.471.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T. Buộc chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 815.700.000 đồng (Tám trăm mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn K phải liên đới chịu 36.471.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà